

Số: 1595/QĐ-LDA

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp:
Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2
(BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV

Căn cứ Quyết định số 2838/QĐ-TKV ngày 25/12/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TKV ngày 02/01/2024 của Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc ban hành quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hoá, sản phẩm dịch vụ, bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của TKV;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-LDA ngày 01/01/2026 về việc lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục trong Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-TKV ngày 03/03/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV ban hành tại Quyết định số 112/QĐ-LDA ngày 01/01/2026;

Căn cứ Phương án số 757/PA-LDA ngày 01/03/2026 về việc Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-LDA ngày 17/04/2026 về việc phê duyệt kế hoạch LCNCC: Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển;

Căn cứ đề nghị của Tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp tại Tờ trình số 321/TTr-TTV ngày 29/04/2026 về việc phê duyệt BYCBG và Báo cáo thẩm định số 160/BC-TTĐ ngày 29/04/2026 của Tổ thẩm định hồ sơ lựa chọn nhà cung cấp về

việc thẩm định Hồ sơ mời Nhà cung cấp Gói cung cấp - Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá (BYCBG) gói cung cấp: Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển với các nội dung sau:

1. Nội dung BYCBG gói cung cấp: Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển như chi tiết kèm theo Quyết định này.

2. Thời gian và trình tự các bước thực hiện:

2.1. Thời gian bắt đầu phát hành BYCBG: Cụ thể theo thông báo mời tham gia gói cung cấp;

2.2. Thời gian hết hạn nộp Hồ sơ báo giá (HSBG): Không ít hơn 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên phát hành BYCBG;

2.3. Thời gian và địa điểm mở, xét HSBG:

- Thời gian mở HSBG: Ngay sau thời điểm hết hạn nộp HSBG (trong vòng 02 giờ);

- Địa điểm mở và xét HSBG: Tại trụ sở Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp, Tổ thẩm định hồ sơ lựa chọn nhà cung cấp thuộc Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH.

QUYỀN GIÁM ĐỐC

Đặng Trung Kiên

Mẫu số HS01-1
BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
SỬA CHỮA THIẾT BỊ TRONG NỘI BỘ TKV

Tên thiết bị sửa chữa: Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển.

Đơn vị: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam – Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV (Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV).

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1595/QĐ-LDA ngày 03/05/2026 của Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam – Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV (Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV).

Đại diện bên mời nhà cung cấp
CÔNG TY NHÔM LÂM ĐỒNG – TKV
QUYỀN GIÁM ĐỐC

Đặng Trung Kiên

Chương I. YÊU CẦU NỘI BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên Bên mời nhà cung cấp là: Công ty Nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA).
2. Bên mời nhà cung cấp mời các Nhà cung cấp dịch vụ tham gia chào hàng cạnh tranh (nội dung báo giá) nội dung sửa chữa: Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp đơn chào hàng cạnh tranh (theo Mẫu số 01); Bảng tổng hợp chào giá (theo Mẫu số 02) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do Nhà cung cấp dịch vụ ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện Nội dung sửa chữa trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Đề xuất giảm giá (nếu có) được đề xuất trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp dịch vụ cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do Nhà cung cấp dịch vụ chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng cạnh tranh (mẫu số 01; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 đơn chào giá theo quy định. Đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu; thời gian ký đơn chào giá phải sau thời điểm phát hành BYCBG; không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời cung cấp;
2. Bảng tổng hợp giá chào (mẫu số 02; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 bảng tổng hợp giá chào theo quy định, trường hợp có từ 02 bảng tổng hợp chào giá trở lên thì xem như hồ sơ được đánh giá không hợp lệ về tính hợp lệ;
3. Chi phí vật tư vật liệu (mẫu số 02-2; theo biểu mẫu quy định tại chương III);
4. Chi phí nhân công trực tiếp (mẫu số 02-3; theo biểu mẫu quy định tại

chương III);

Mục 4. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của HSBG là 30 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp HSBG.

Mục 5. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp tham gia chào giá phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử như sau:

- Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV (thông qua phòng Kế hoạch).

- Địa chỉ: Tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng, Gmail: vobangoc.lda@gmail.com. Điện thoại: 0987.723732.

(Để đảm bảo tính cạnh tranh, khách quan giữa các nhà cung cấp tham gia chào giá, Bên mời nhà cung cấp đề nghị nhà cung cấp trường hợp nộp HSBG file điện tử có cài đặt password (tự động mở ngay khi hết thời gian nộp HSBG)).

2. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng Nhà cung cấp tham gia chào giá.

3. Bên mời chào giá so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Bên mời nhà cung cấp có thể mời các Nhà cung cấp đến làm rõ các nội dung có liên quan. Tuy nhiên, các nội dung làm rõ sẽ không ảnh hưởng đến giá chào chung của Nhà cung cấp dịch vụ.

Mục 6. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán Nội dung sửa chữa được duyệt.

Mục 7. Công khai kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị (bằng văn bản) về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, Bên mời chào giá phải mời Nhà cung cấp dịch vụ đến làm việc để giải đáp hoặc đàm phán các nội dung kiến nghị. Nếu hai bên làm việc không đạt kết quả, Bên Nhà cung cấp báo cáo để TKV xem xét giải quyết.

Chương II. YÊU CẦU CỦA NỘI DUNG SỬA CHỮA

Mục 1. Giới thiệu về Nội dung sửa chữa

Bên mời chào giá giới thiệu các thông tin cơ bản như:

1.1. Thông tin về tài sản:

Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển với các công việc chính như sau:

- Sửa chữa hệ thống thiết bị băng tải BC501:
 - + Tháo dỡ hệ thống cụm hộp giảm tốc, động cơ.
 - + Tháo dỡ hệ thống cụm giá đỡ hộp giảm tốc, ru lô chủ động, ru lô uốn.
 - + Vệ sinh làm sạch sơn kết cấu giá đỡ băng tải.
 - + Thay thế, lắp đặt cụm giá đỡ hộp giảm tốc, ru lô chủ động, ru lô uốn.
 - + Gia cố sửa chữa máng thu hồi nước bùn.
 - + Lắp đặt, thay thế hộp giảm tốc.
- Sửa chữa hệ thống thiết bị băng tải BC2 (BVC01):
 - + Tháo dỡ hệ thống dây điện, hệ thống chân giá đỡ, giằng đỡ, thanh dầm hệ thống băng tải.
 - + Lắp đặt hệ thống dây điện, Thay thế hệ thống chân giá đỡ, giằng đỡ, thanh dầm hệ thống băng tải.
 - + Sửa chữa gia cố hệ thống kết cấu giá đỡ cụm dẫn động băng tải.
 - + Vệ sinh làm sạch sơn kết cấu hệ thống băng tải.

1.2. Tình trạng kỹ thuật của thiết bị:

a. Băng tải chuyển quặng tinh vào kho BC501:

- Cụm giá đỡ của hệ thống HGT động cơ được đưa vào sử dụng từ thời điểm đưa thiết bị vào vận hành đến nay (trên 12 năm), làm việc liên tục trong môi trường có độ ẩm cao, bụi mịn và bùn lỏng đóng bám, gây tác động ăn mòn công nghiệp đối với kết cấu kim loại. Qua kiểm tra thực tế, các kết cấu thép của cụm giá đỡ xuất hiện hiện tượng oxy hóa, ăn mòn bề mặt, làm giảm khả năng bảo vệ kim loại nền, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến độ bền kết cấu, độ ổn định và an toàn vận hành lâu dài của hệ thống.

Hiện trạng kết cấu giá đỡ:

- Qua kiểm tra thực tế, thiết bị làm việc liên tục trong môi trường có độ ẩm cao, bụi mịn và bùn lỏng đóng bám, gây ăn mòn công nghiệp đối với kết cấu thép.
- Cụm giá đỡ được đưa vào sử dụng từ thời điểm đưa thiết bị vào vận hành (trên 12 năm).
- Qua kiểm tra thực tế, các kết cấu thép xuất hiện hiện tượng oxy hóa, ăn mòn bề mặt, suy giảm lớp bảo vệ kim loại nền.

- Tình trạng trên làm giảm độ bền kết cấu, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến độ ổn định cụm truyền động và an toàn vận hành lâu dài.

Hiện trạng cụm truyền động:

- Cụm dẫn động hiện hữu không được tích hợp cơ cấu phanh hãm hoặc thiết bị chống trôi ngược (backstop/holdback).

- Băng tải làm việc trên tuyến có độ dốc lớn khoảng 16%.

- Khi dừng vận hành, dưới tác dụng tải trọng vật liệu và trọng lượng bản thân băng tải, xuất hiện hiện tượng trôi ngược không kiểm soát. Hiện tượng này gây:

+ Tải trọng va đập lên hộp giảm tốc, khớp nối, tang chủ động.

+ Tăng nguy cơ hư hỏng cơ cấu truyền động.

+ Tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi vận hành thiết bị.

Đánh giá kỹ thuật cho thấy, giải pháp hiện hữu chỉ đảm bảo vận hành tạm thời, không đáp ứng yêu cầu ổn định và độ tin cậy thiết bị trong trung, dài hạn; không bảo đảm hệ số an toàn kết cấu.

b. Băng tải hầm tuynel BC2 (BVC01):

Cơ cấu dầm và giá đỡ băng tải B1000 có tổng chiều dài khoảng 315 mét, được lắp đặt dưới cốt âm trung bình khoảng 4,8 mét so với mặt bằng tự nhiên. Trong quá trình vận hành lâu dài, kết cấu thường xuyên làm việc trong môi trường có độ ẩm cao, bụi mịn đóng bám và các tác nhân ăn mòn công nghiệp, dẫn đến lớp sơn bảo vệ bề mặt bị suy giảm nghiêm trọng, bong tróc trên diện rộng. Qua kiểm tra thực tế hiện trường, nhiều cấu kiện thép xuất hiện hiện tượng oxy hóa, ăn mòn và gỉ sét, một số vị trí bị ăn mòn sâu, làm suy giảm đáng kể tiết diện chịu lực của kết cấu.

- Lớp sơn bảo vệ bề mặt suy giảm nghiêm trọng, bong tróc trên diện rộng.

- Nhiều cấu kiện thép xuất hiện oxy hóa, gỉ sét và ăn mòn.

- Một số vị trí bị ăn mòn sâu, làm suy giảm tiết diện chịu lực.

Tại các vị trí chịu tải trọng tập trung:

+ Tại các vị trí chịu tải trọng tập trung (điểm liên kết, vị trí đỡ cụm con lăn, tang, cụm dẫn động), đã xuất hiện hiện tượng mục, nứt, gãy cục bộ.

+ Đã phải thực hiện hàn gia cố nhiều lần để duy trì vận hành tạm thời.

+ Các biện pháp sửa chữa hiện tại chỉ mang tính cục bộ, không đảm bảo khả năng chịu lực lâu dài, không khôi phục được trạng thái làm việc ban đầu.

+ Hiện tượng suy giảm kết cấu có xu hướng tiếp tục phát triển theo thời gian.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ

- Tùy vào tình hình và điều kiện sản xuất mà thời gian triển khai cụ thể sẽ được thông báo (Thông báo sẽ được gửi trực tiếp tới Bên nhà cung cấp qua thư điện tử/liên hệ trực tiếp/gửi công văn trực tiếp tới Bên nhà cung cấp) trước thời gian thi công 03 ngày. Các thiết bị có thể triển khai thi công đồng thời hoặc từng đợt riêng biệt nhau tùy vào yêu cầu sản xuất của LDA;

- Tiến độ thực hiện là 20 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị, mặt bằng (bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ và thời gian cung cấp/gia công vật tư trong nước và/hoặc nhập khẩu (nếu có)).

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Quy định phương thức nghiệm thu vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa:

TT	Tên vật tư; Quy cách, chủng loại	Đề xuất chứng minh nguồn gốc hàng hóa (CO,CQ-chứng nhận xuất xưởng-cam kết chất lượng, xuất xứ hàng hóa...)	Năm sản xuất	Ghi chú
1	Động cơ liên hộp giảm tốc Type: SK9092.1R - 250WP/4 TF; Công suất động cơ 55kW/4P; Điện áp 3 pha 400V/50 Hz/ IP55; Tỷ số truyền $i=49.75$; Tốc độ đầu ra 30V/ph; Trục vuông góc; Có cơ cấu Backstop (chống quay ngược); Đường kính trục đầu ra phi 140; Kiểu lắp chân đế (Thông số tương đương SK9092.1-250M/4 TF)	-	Tối thiểu từ 2024	Hoặc tương đương
2	Kết cấu cụm giá đỡ động cơ, HGT, ru lô chủ động, ru lô uôn; (DxRxC) 2850x2130x2830mm chế tạo trọn bộ; Vật liệu SS400, sơn hoàn thiện hệ sơn epoxy chống ăn mòn, tổng chiều dày khô $DFT \geq 250 \mu\text{m}$ (02 lớp)	-	-	Hoặc tương đương
3	Kết cấu Khung dầm, chân băng tải B1000; (DxRxC) 3000x1300x590mm chế tạo trọn bộ; Vật liệu SS400, sơn hoàn thiện hệ sơn epoxy chống ăn mòn, tổng chiều dày khô $DFT \geq 250 \mu\text{m}$ (02 lớp)	-	-	Hoặc tương đương

Nhà cung cấp cam kết kê khai các vật tư phụ tùng nêu trên theo HSBG tại **Biểu mẫu số 03 chương III** kèm theo.

Toàn bộ vật tư nêu trên Nhà cung cấp phải được bên MNCC kiểm tra, nghiệm thu về quy cách/chung loại, nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng theo quy

định/tiêu chuẩn của nhà nước, của hãng và của Bên MNCC.

Nhà cung cấp phải cam kết hàng hóa nêu trên đưa vào sử dụng đảm bảo mới 100% và đề xuất năm sản xuất trên thiết bị hoặc trên các giấy tờ khác liên quan chứng minh về năm sản xuất tối thiểu từ **năm 2024** tới thời điểm đưa vào sử dụng.

Để chứng minh chất lượng vật tư đưa vào thi công gói cung cấp, Bên NCC phải cung cấp các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho Bên MNCC:

+ Giấy chứng nhận/bản sao nguồn gốc xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng/bản sao (CQ)/Giấy chứng nhận hợp quy (COC)/giấy ủy quyền bán hàng tại Việt Nam và/hoặc các giấy tờ theo quy định của pháp luật (đối với hàng hóa nhập khẩu);

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng/thư cam kết/thư xác nhận của nhà sản xuất.... và/hoặc các giấy tờ theo quy định của pháp luật (đối với vật tư trong nước).

Nếu Bên NCC là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ. Trường hợp Bên NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối/bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Bên NCC phải cấp bản sao CO,CQ (nếu Bên NCC nộp bản sao thì phải được sao y có chứng thực của cơ quan công chứng) và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực CO,CQ. Để Bên MNCC tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Bên NCC không được tự ý thay đổi chủng loại và quy cách của hàng hoá theo Hợp đồng, mọi thay đổi phải được sự chấp thuận của Bên MNCC.

Các giấy tờ CO, CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt. Trường hợp có nhiều mục hàng hóa ngoài danh mục của hợp đồng/đơn hàng thì chỉ cần dịch trang đầu, trang cuối và những trang có liên quan đến hàng hóa mà Bên NCC giao. Bản dịch ra tiếng Việt phải đính kèm với bản tiếng nước ngoài. Yêu cầu về Bản dịch tiếng Việt CO, CQ phải được đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện, ký tên đóng dấu (nếu Bên NCC nộp bản sao thì phải được sao y có chứng thực của cơ quan công chứng). Trường hợp CO, CQ có liên quan đến nhiều lần giao hàng trong cùng một hợp đồng thì Bên NCC chỉ nộp Bản dịch tiếng Việt gốc (Bản dịch thuật hoặc bản sao y có chứng thực theo quy định ở trên) khi giao hàng lần đầu; Các lần giao hàng sau, Bên NCC chỉ cần nộp bản sao có ký tên, đóng dấu của Bên NCC trên bản dịch và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung bản dịch.

Trường hợp đối với vật tư do Bên MNCC cấp cho Bên NCC để đưa vào sử dụng cho gói thầu, Bên NCC phải có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản nguyên hiện trạng như khi Bên MNCC bàn giao thiết bị tới khi hoàn thành lắp đặt, nghiệm thu. Trường hợp Bên NCC làm mất, hư hỏng thì phải chịu trách nhiệm đền bù, cấp mới vật tư (đúng nhà sản xuất, xuất xứ hoặc tương đương) mà Bên MNCC đã bàn giao cho Bên NCC trước đó với thời gian theo quy định của Bên MNCC.

Trong quá trình nghiệm thu vật tư đầu vào, nếu Bên MNCC phát hiện vật tư không đảm bảo chất lượng, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì Bên MNCC sẽ yêu cầu Bên NCC đổi trả hàng hóa với thời gian được quy định cụ thể trong thông báo của Bên MNCC. Trường hợp Bên NCC không đáp ứng được thời gian theo quy

định của Bên MNCC thì xem như không đảm bảo tiến độ thực hiện Hợp đồng và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại Hợp đồng.

BMNCC sẽ yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ nếu bảng kê khai Quy cách vật liệu trong HSBG chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với Yêu cầu của phương án. Trường hợp Bên MNCC yêu cầu làm rõ mà Nhà cung cấp không đáp ứng sẽ bị loại (BMNCC chỉ yêu cầu làm rõ 01 lần mà nhà cung cấp không đáp ứng/không làm rõ thì sẽ được đánh giá không đạt và bị loại);

Bên NCC chỉ được đề xuất 01 Tên hãng/Nhà sản xuất và 01 Nơi sản xuất (Xuất xứ)/01 nhóm nước/Châu lục của vật tư nêu trên để làm căn cứ rõ ràng và thống nhất khi ký kết hợp đồng trong trường hợp nhà cung cấp được lựa chọn. Trường hợp nhà cung cấp đề xuất >01 Hãng/Nhà sản xuất hoặc >01 Nơi sản xuất (xuất xứ) của vật tư thì Bên MNCC sẽ yêu cầu làm rõ trong bước đánh giá HSBG;

2. Quy định chế độ nghiệm thu các cụm, hệ thống; nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải và nghiệm thu bàn giao thiết bị sau khi hoàn thành: Đảm bảo các thông số kỹ thuật như sau:

2.1. Đối với hệ thống thiết bị băng tải BC501:

- Cao độ kết cấu ± 5 mm.
- Độ thẳng đồng tâm dọc tuyến $\leq 1/1000$ chiều dài.
- Độ lệch ngang khung giá đỡ ≤ 2 mm.
- Khoảng cách giữa các giá đỡ ± 5 mm.
- Độ vuông góc ≤ 1 mm / 1000 mm.
- Các giá đỡ phải đảm bảo thẳng hàng.
- Không được cong vênh, xoắn.
- Bu lông phải siết chặt đúng lực thiết kế.
- Yêu cầu về môi hàn: Không nứt; Không rỉ khí; Không cháy cạnh; Không thiếu ngấu.
- Kết cấu phải đảm bảo: Không rung lắc khi vận hành; Không biến dạng; Không võng bất thường.
- Kiểm tra hình học: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu hình học theo thiết kế như: (Độ thẳng, độ vuông góc, khoảng cách, không vuông góc, khoảng cách theo thiết kế.
- Băng tải mới khi lắp đặt phải đảm bảo tiêu chuẩn đồng tâm với khung băng tải, không bị lệch băng.
- Hành trình đối trọng của mặt băng tải phải đảm bảo trong khoảng cách an toàn.

2.2. Đối với hệ thống thiết bị băng tải BC2 (BVC01):

- Cao độ kết cấu ± 5 mm.
- Độ thẳng đồng tâm dọc tuyến $\leq 1/1000$ chiều dài.
- Độ ngang khung giá đỡ ≤ 2 mm.
- Khoảng cách giữa các giá đỡ ± 5 mm.
- Độ vuông góc ≤ 1 mm / 1000 mm.
- Các giá đỡ phải đảm bảo thẳng hàng.

- Không được cong vênh, xoắn.
- Bu lông phải siết chặt đúng lực thiết kế.
- Yêu cầu về mối hàn: Không nứt; Không rỗ khí; Không cháy cạnh; Không thiếu ngấu.
- Kết cấu phải đảm bảo: Không rung lắc khi vận hành; Không biến dạng; Không võng bất thường.
- Kiểm tra hình học: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu hình học theo thiết kế (độ thẳng, độ vuông góc, khoảng cách theo thiết kế).
- Băng tải mới khi lắp đặt phải đảm bảo tiêu chuẩn đồng tâm với khung băng tải, không bị lệch băng.
- Hành trình xe căng băng tại Ru lô đối trọng của mặt băng tải phải đảm bảo trong khoảng cách an toàn.

3. Quy định thời hạn bảo hành và cách thức thực hiện chế độ bảo hành khi xảy ra sai sót sau khi thiết bị sửa chữa xong đưa vào hoạt động:

Thời hạn bảo hành là 12 tháng/thiết bị được tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời hạn bảo hành sau sửa chữa phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót (nếu có) do lỗi của Bên nhà cung cấp.

Trong thời gian bảo hành khi hệ thống, thiết bị có hư hỏng hoặc lỗi thì Bên nhà cung cấp trong vòng 03 ngày (Kể từ khi có thông báo của LDA, Thông báo sẽ được gửi trực tiếp tới nhà cung cấp qua thư điện tử/liên hệ trực tiếp/gửi công văn tới nhà cung cấp) phải bố trí nhân lực kiểm tra, sửa chữa ngay cho LDA (yêu cầu việc khắc phục phải được thực hiện xong trong vòng 01 ngày) để đảm bảo đáp ứng sản xuất của công ty. Thời hạn bảo hành phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Bên nhà cung cấp.

Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này đồng thời tước thu toàn bộ giá trị bảo hành giữ lại. Ngoài ra, việc chậm trễ trong công tác bảo hành của Bên B gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại đó.

4. Yêu cầu về kỹ thuật thi công sửa chữa:

- Sai lệch cao độ ≤ 5 mm
- Sai lệch thẳng tuyến $\leq 1/1000$
- Bu lông siết chặt đúng yêu cầu
- Không có biến dạng kết cấu
- Sơn chống ăn mòn ≥ 250 μ m đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.
- Vận hành ổn định, không rung bất thường

Mục 4. Bảng tiên lượng khối lượng.

Căn cứ bảng tiên lượng khối lượng nhà cung cấp tham gia chào giá theo nội dung sửa chữa bảng tiên lượng sau:

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Danh điểm/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC- BD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	HẠNG MỤC SỬA CHỮA BĂNG TẢI BC501						
1	Vệ sinh bùn đất dính bám bề mặt kết cấu giá đỡ	m2				40,279	
2	Gia công khung thép biện pháp thi công	tấn				0,225	
3	Tháo dỡ hệ thống cụm bộ đỡ HGT, động cơ, ru lô chủ động	tấn				3,952	
4	Vận chuyên khung sàn thao tác biện pháp thi công lên vị trí lắp đặt	tấn				0,225	
5	Lắp đặt khung biện pháp thi công	tấn				0,225	
6	Sửa chữa hàn gia cố hệ thống kết cấu máng thoát bùn và kết cấu liên kết hệ băng tải	10 m				25,500	
7	Vận chuyển hệ thống cụm bộ đỡ HGT phục vụ lắp đặt	tấn				1,250	
8	Cung cấp vật tư và lắp đặt cụm kết cấu bộ đỡ HGT (chiều cao lắp đặt trên 16 mét)	tấn			1,250		
9	Lắp đặt ru lô chủ động, ru lô uôn (chiều cao lắp đặt trên 16 mét)	tấn				0,850	
10	Cung cấp và lắp đặt động cơ liên Hộp giảm tốc 55Kw	tấn			2,290		
11	Tháo dỡ thép biện pháp thi công	tấn				0,225	
12	Bốc vật tư cũ lên xe bàn giao phục vụ vận chuyển nhập kho vật tư cũ	tấn				0,813	
II	HẠNG MỤC SỬA						

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Danh điểm/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC- BD	
	CHỮA BĂNG TẢI VẬN CHUYỂN BC2 (BVC01)						
13	Vệ sinh bùn đất dính bám bề mặt kết cấu băng tải	m2				473,821	
14	Tháo dỡ, nâng hệ thống mặt băng tải B1000	tấn				9,043	
15	Gia công khung thép biện pháp thi công	tấn				0,207	
16	Vận chuyển khung sàn thao tác lên vị trí lắp đặt	tấn				0,207	
17	Lắp đặt khung biện pháp thi công	tấn				0,207	
18	Tháo dỡ khung giá đỡ công tác lệch băng, công tác lệch băng	1 cái				22,000	
19	tháo dỡ hộp giá đỡ công tác giạt dây	1 bộ				22,000	
20	Tháo dỡ móc treo dây giạt băng	1 bộ				240,000	
21	Tháo dỡ nối hộp cầu đầu dây	1 bộ				4,000	
22	Tháo dỡ dây tròn mềm 2x1.0mm2	100 m				3,800	
23	Tháo dỡ ống ruột gà lõi thép bọc nhựa 1 1/4"	100 m				2,500	
24	Tháo dỡ dây giạt băng Φ4 mm	100 m				4,300	
25	Tháo dỡ hệ con lăn trên, con lăn dưới, giá đỡ con lăn trên	tấn				6,072	
26	Tháo dỡ các thiết bị khung kết cấu chân giá đỡ, dầm, giằng băng tải	tấn				3,444	
27	Vận chuyển kết cấu chân giá đỡ, dầm, giằng băng tải từ dưới cốt âm lên mặt bằng	tấn				3,444	
28	Vận chuyển khung kết cấu thiết bị băng tải từ	tấn				4,920	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Danh điểm/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC- BD	
	trên xuống						
29	Cung cấp vật tư và Lắp đặt khung kết cấu thiết bị băng tải B1000	tấn			4,92		
30	Vận chuyển khung kết cấu thiết bị băng tải từ trên xuống phục vụ lắp đặt	tấn				4,920	
31	Lắp đặt khung giá đỡ công tắc lệch băng, công tắc lệch băng	1 cái				22,000	
32	Lắp đặt hộp giá đỡ công tắc giạt dây	1 bộ				22,000	
33	Lắp đặt móc treo dây giạt băng	1 bộ				240,000	
34	Lắp đặt nối hộp cầu đầu dây	1 bộ				4,000	
35	Lắp đặt dây tròn mềm 2x1.0mm ²	100 m				3,800	
36	Lắp đặt ống ruột gà lõi thép bọc nhựa 1-1/4"	100 m				2,500	
37	Lắp đặt dây giạt băng Φ4 mm	100 m				4,300	
38	Sửa chữa hàn gia cố hệ thống kết cấu chân băng, hệ thống giá đỡ cụm ru lô bị động và chủ động, giá đỡ dẫn động quay, hệ thống đối trọng căng băng của băng tải	10 m				28,500	
39	Sửa chữa gia cố kết cấu máng rót quặng	tấn				0,950	
40	Lắp đặt hệ con lăn trên, con lăn dưới, giá đỡ con lăn trên băng tải	tấn				6,072	
41	Lắp đặt hệ thống mặt băng tải B1000	tấn				9,043	
42	Tháo dỡ thép biện pháp thi công	tấn				0,207	
43	Bóc vật tư cũ lên xe	tấn				3,444	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Danh điểm/Quy y cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC- BD	
	phục vụ vận chuyển						
44	Vận chuyển, bốc vật tư cũ xuống phục vụ nhập kho	tấn				3,444	
III	CÁC VẬT LIỆU CHÍNH						
1	Động cơ liên hộp giảm tốc Type: SK9092.1R - 250WP/4 TF; Công suất động cơ 55kW/4P; Điện áp 3 pha 400V/50 Hz/ IP55; Tỷ số truyền i=49.75; Tốc độ đầu ra 30V/ph; Trục vuông góc; Có cơ cấu Backstop (chống quay ngược); Đường kính trục đầu ra phi 140; Kiểu lắp chân đế (Thông số tương đương SK9092.1-250M/4 TF)	Bộ			1,000		
2	Kết cấu cụm giá đỡ động cơ, HGT, ru lô chủ động, ru lô uôn; (DxRxC) 2850x2130x2830mm chế tạo trọn bộ); Vật liệu SS400, sơn hoàn thiện hệ sơn epoxy chống ăn mòn, tổng chiều dày khô DFT \geq 250 μ m (02 lớp)	Bộ	(DxRxC) 2850x2130x2830 mm		1,000		
3	Kết cấu Khung dầm, chân băng tải B1000; (DxRxC) 3000x1300x590mm chế tạo trọn bộ; Vật liệu SS400, sơn hoàn thiện hệ sơn epoxy chống ăn mòn, tổng chiều dày khô DFT \geq 250 μ m (02	Bộ	(DxRxC) 3000x1300x590 mm		23,000		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Danh điểm/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC- BD	
	lớp)						
IV	VẬT TƯ PHỤ						
	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ vật tư phụ phục vụ quá trình sửa chữa bảo dưỡng đúng PA số 757/PA-LDA ngày 01/03/2026 và Quy định hiện hành.						

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*Tên Nội dung sửa chữa: **Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển.**Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện Nội dung **Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển** theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của Nội dung sửa chữa]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu khi tham gia chào hàng cạnh tranh sửa chữa thiết bị.
5. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện Nội dung **Sửa chữa thiết bị băng tải quặng tinh TR.01.BC501, TR.02.BC2 (BVC01) thuộc Phân xưởng Mỏ tuyển** đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định về chế độ bảo hành cũng như các yêu cầu khác theo đúng quy định của Bản yêu cầu báo giá. Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại Đơn chào hàng này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ... ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng hồ sơ báo giá]*.**Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ***[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự gói cung cấp, Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì Báo giá của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.

Mẫu số 02-1

1. Tổng hợp giá chào:

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (VN đồng)
1	Nguyên vật liệu.		
2	Nhiên liệu		
3	Động lực		
4	Tiền lương		
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phục vụ, phụ trợ		
5	BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN và KPCĐ		
6	Khấu hao tài sản		
7	Chi phí khác		
I	Giá trị sửa chữa (1÷7)		
II	Lợi nhuận định mức		
III	Thuế, phí, lệ phí		
	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các yếu tố chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mẫu số 02-2 và Mẫu số 02-3 của Phần này.

- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở hướng dẫn của Tập đoàn;

- Các từ viết tắt BHXH: Bảo hiểm xã hội; BHYT: Bảo hiểm y tế; BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLD-BNN: Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp; KPCĐ: Kinh phí Công đoàn..

- Mẫu Bảng tổng hợp giá chào bao gồm 3 phần (1 – Tổng hợp giá chào; 2 – Chi phí vật tư vật liệu; 3 – Chi phí nhân công trực tiếp).

2. Chi phí vật tư vật liệu

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Đvt	Danh điểm/ Quy cách	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay mới	Phục hồi		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Cụm/Hệ thống 1						
1	Chi tiết 1						
2	Chi tiết 2						
3						
II	Cụm/Hệ thống 2						
1	Chi tiết 1						
2	Chi tiết 2						
3						
...	Các chi tiết và vật liệu phụ						
1	Chi tiết 1						
2	Chi tiết 2						
3						
	Tổng cộng I+II+... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>						

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

- Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng của Bên mời nhà cung cấp.

- Cột (7) (8) do Nhà cung cấp dịch vụ chào.

3. Chi phí nhân công trực tiếp

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Số công	Bậc thợ	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Tiếp nhận, vệ sinh, phân loại, giám định kỹ thuật					
II	Cụm/Hệ thống số 1					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
III	Cụm/Hệ thống số 2					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp, hiệu chỉnh					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
...	Lắp ráp tổng thể, hiệu chỉnh, chạy thử					
....	Nghiệm thu, bàn giao					
	Tổng cộng I+II+III... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>					

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà cung cấp lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa của Bên mời nhà cung cấp.

**BẢNG KÊ KHAI CHUNG LOẠI, QUY CÁCH, NGUỒN GỐC XUẤT XỨ CỦA
VẬT LIỆU**

TT	Tên vật tư, thiết bị/Quy cách	Tên hãng, nhà sản xuất	Nguồn gốc xuất xứ	Năm sản xuất	Đề xuất giấy tờ về nguồn gốc hàng hóa (CO,CQ-chứng nhận xuất xưởng- cam kết chất lượng, xuất xứ hàng hóa...)
(1)	(2)	(3)	(4)		
1	Vật liệu A				<i>Đề xuất.....</i>
2	Vật liệu B				<i>Đề xuất.....</i>
3	Vật liệu C				<i>Đề xuất.....</i>
...	Vật liệu				<i>Đề xuất.....</i>

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp báo giá

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DỰ THẢO**HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----***-----

HỢP ĐỒNG

Số: /2026/HĐ-LDA

Về việc Sửa**Thuộc kế hoạch:.....**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Kế hoạch Phối hợp kinh doanh năm 20....ban hành kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ ___ [*Ghi tên Nội dung sửa chữa*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của Bên mời nhà cung cấp;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời chào giá và Nhà cung cấp được lựa chọn ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ: _____
- Địa chỉ: _____
- Điện thoại: _____ Fax: _____
- E-mail: _____
- Tài khoản: _____
- Mã số thuế: _____
- Đại diện là ông/bà: _____
- Chức vụ: _____
- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*)

Bên B:

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ: _____
- Địa chỉ: _____
- Điện thoại: _____ Fax: _____
- Email: _____
- Tài khoản: _____
- Mã số thuế: _____

- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc sửa chữa cấp thiết bị.....theo đúng các nội dung và yêu cầu kỹ thuật đã thống nhất

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ của nhà cung cấp được lựa chọn (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cam kết nêu trong Bản yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và của TKV trong và sau quá trình thi công, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản; Đồng tiền thanh toán: VND

b) Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán từng đợt cho bên B 100% giá trị thanh quyết toán theo từng đợt, sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 120 (một hai mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

c) Số lần thanh toán ___ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của Nội dung sửa chữa mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

3. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng hợp đồng.

+ Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hoàn thành theo hợp đồng sau khi đã khấu trừ các khoản khác (nếu có) trong vòng 120 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Năm 2026; Tiến độ thực hiện là 20 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị, mặt bằng (bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ và thời gian cung cấp/gia công vật tư trong nước và/hoặc nhập khẩu (nếu có)).

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của Nội dung sửa chữa]*.

2. Sau khi hai bên tổ chức giám định kỹ thuật bước II, trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng không do lỗi của bên B, hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (chỉ áp dụng đối với trường hợp Bên B là công ty liên kết)

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối tuần) kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt, chuyển khoản cho bên A hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt nam phát hành được bên A chấp thuận (Bảo lãnh được ngân hàng cam kết không hủy ngang và được tước thu vô điều kiện khi bên A yêu cầu).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là đồng (Bằng chữ:), tương đương khoảng 3% tổng giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A đến ngày 31/12/2026 hoặc ngày Bên B hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên A khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc xác nhận cho Bên B để giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành các công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

4. Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng;
- + Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;

+ Trường hợp do lỗi của mình, không được bên A chấp thuận gia hạn, Bên B chậm tiến độ quá 15 ngày theo tiến độ quy định tại Mục 6 của Hợp đồng;

+ Bên nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Điều 9. Thưởng phạt và chấm dứt hợp đồng

1. Thưởng phạt hợp đồng:

a) Bên B có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc không muộn hơn tiến độ đã cam kết và ghi trong Hợp đồng. Trường hợp chậm tiến độ mà không do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do khách quan, Bên B sẽ bị phạt 1,0%/ngày cho 1 tuần chậm tiến độ. Tối đa mức phạt chậm tiến độ không quá 8% giá trị Hợp đồng (trước VAT).

b. Ngoài trách nhiệm bồi hoàn theo điểm a, mục này, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế đối với những thiệt hại về người, thiết bị... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của nhà cung cấp gây ra. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên nhà cung cấp chi trả.

Chấm dứt hợp đồng: Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 2 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát

Bên A thực hiện quyền Tư vấn giám sát đối với các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà cung cấp về việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà cung cấp phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà cung cấp phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho Nội dung sửa chữa đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật. Các thiết bị phục vụ công tác sửa chữa phải đảm bảo an toàn trong vận hành. Các vật tư dùng trong sửa chữa được tuân thủ đúng cam kết tại Hồ sơ chào hàng.

Điều 12. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà cung cấp bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành tài sản cố định sau sửa chữa như đã nêu trong thời hạn: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị cho Bên mời chào giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành, Bên A sẽ thông báo cho Nhà cung cấp về các sai sót trong Nội dung sửa chữa. Thời hạn bảo hành Nội dung sửa chữa phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Nhà cung cấp phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Bên A đã thông báo.

Nếu Nhà cung cấp không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định tại thông báo sai sót trong Nội dung sửa chữa thì Bên A được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà cung cấp sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Ghi chú: Giá trị bảo hành.

- Khoản tiền bảo hành có giá trị bằng năm phần trăm (5%) phần giá trị của công việc do Bên B thực hiện được nghiệm thu.

- Tiền bảo hành (tạm giữ lại) sẽ được Bên A trừ trực tiếp trong đợt thanh toán Hợp đồng. Khoản tiền bảo hành tạm giữ lại sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B sau khi kết thúc thời gian bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 13. Nghiệm thu, hoàn công

Sau khi thiết bị được sửa chữa, Bên B tổ chức nghiệm thu thiết bị theo đúng Quy định hiện hành về sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của TKV.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ___ bộ, Bên mời chào giá giữ ___ bộ, nhà cung cấp giữ ___ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]